TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–Tự do–Hạnh phúc

Bản án số: 48/2018/ HNGĐ-ST
Ngày 27-6-2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
-*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Công Bằng
-*Các hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Trần Văn Hưng
2. Ông Nguyễn Văn Trước

-Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 161/ 2018/ TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018, về việc " Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Lào Thị Thanh T, sinh năm: 1997
Địa chỉ: Số 56, ấp M, xã N, huyện T, tỉnh T.
2.Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm: 1993 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp T xã B, huyện H, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Lào Thị Thanh T trình bày:

Qua quen biết chị và anh S tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/7/2015. Sau khi cưới anh chị về chung sống với gia đình anh S, được 01 tháng anh chị bất đồng quan điểm, anh S không lo làm ăn, từ đó phát sinh mâu thuẩn, chị về nhà cha mẹ ruột ở. Chị và anh S sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, chị không còn tình cảm với anh S. Vì vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 27/01/2015, hiện do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị cam kết không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nếu có chị cam kết trả nợ theo quy định của pháp luật.

-Bị đơn anh Nguyễn Thanh S vắng mặt trong các phiên hòa giải, không có bản khai ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-Tại phiên Tòa chị T trình bày: Khi ly hôn chị có cho anh S biết, anh S có nói với chị muốn làm gì thì làm. Khi Tòa án mời hòa giải chị có điện thoại cho anh biết, nhưng anh S nói không đến. Anh và chị ly thân đã nhiều năm, chị không còn tình cảm với anh S nên yêu cầu được ly hôn với anh S và yêu cầu được nuôi con. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 02, nhưng vắng mặt tại phiên Tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh S.

[2]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị T và anh S tiến đến hôn nhân vào năm 2014, đến ngày 17/7/2015 được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84 quyển số 01. Do đó hôn nhân của chị T và anh S là hôn nhân hợp pháp, được quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong thời gian chung sống, giữa chị T và anh S có những bất đồng về quan điểm sống, từ đó dẫn đến mâu thuẫn, theo chị T tình trạng này kéo dài nhiều năm, anh chị đã ly thân khoảng 02 năm, đến nay không thể hàn gắn được. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T vẫn bảo lưu yêu cầu được ly hôn với anh S. Đối với anh S đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị T và đã được triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên Tòa, nhưng anh S không đến và không có bản khai ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Cho thấy anh S không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm với chị T. Xét thấy hôn nhân là phải trên cơ sở tự nguyện. Mục đích hôn nhân là đem lại hạnh phúc cho nhau, cùng nhau chung sống, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, vun vén cho hạnh phúc gia đình, nhưng theo chị T giữa chị và anh S không có được điều đó khi chung sống với nhau.

Từ những phân tích trên. Cho thấy việc chị T yêu cầu ly hôn với anh S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014, có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của chị T: Chị T và anh S có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 27/01/2015, hiện do chị T nuôi dưỡng. Cháu Y hiện nay còn nhỏ, do đó cần được sự quan tâm và chăm sóc của

người mẹ. Hơn nữa từ khi ly thân đến nay cháu Y sống cùng chị T và được chị T nuôi dưỡng tốt. Anh S không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con của chị T. Do đó cần giao cháu Y cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Buộc chị T phải nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 3, Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBNTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lào Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 27/01/2015 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh S có quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6.Về án phí: Buộc chị Lào Thị Thanh T nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0001465 ngày 18/04/2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày sau ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Long Hồ;
-CC THADS huyện Long Hồ;
-UBND xã N- T-T
-Các đương sự trong vụ án;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Bằng